TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------
Bản án số: 108/2025/HNGĐ-ST Ngày: 24-03-2025 *V/v: Tranh chấp ly hôn*	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G

-*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thiên Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hoàng Trung

Bà Nguyễn Thị Kim Hoa

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Thu Phương – Thư ký TAND huyện G.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên toà:* Ông Vũ Văn Thế - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 365/2024/TLST – HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2024 về việc tranh chấp *"*Xin ly hôn*"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2025 và giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: **Chị Lưu Phương T,** sinh năm 1990; Nghề nghiệp: Công nhân khu công nghiệp Phú Thị, G; Nơi cư trú: Xóm C, thôn G, xã P (trước là xã K), huyện G, thành phố Hà Nội.

* *Bị đơn:* **Anh Khúc Phạm T,** sinh năm 1984; Nghề nghiệp: Công nhân Công ty điện lực G; Nơi cư trú: Xóm C, thôn G, xã P (trước là xã K), huyện G, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/9/2024, các lời khai tại Tòa án trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lưu Phương T trình bày:

Về tình cảm: Tôi và anh Khúc Phạm T, sinh năm 1984 có tìm hiểu nhau khoảng 01 năm thì tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Thanh Ba, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ ngày 06/3/2013. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng tôi chung sống với gia đình bố mẹ đẻ tôi tại địa chỉ thôn G, xã P, huyện G, thành phố Hà Nội. Đến cuối năm 2017 bố mẹ đẻ tôi có tách đất cho tôi 01 phần đất, vợ chồng tôi xây nhà trên đó và sống riêng từ đó đến nay. Chúng tôi chung sống hạnh phúc khoảng 2-3 năm thì tôi thấy có người đến nhà đòi nợ tiền anh T chơi cờ bạc thua nợ nần, từ đó đến nay, mỗi năm phải có vài người đến đòi nợ, nhưng tôi không có điều kiện trả nợ, mà toàn gia đình nhà chồng nhà tôi đứng ra trả nợ. Ngoài ra thì tôi còn bắt gặp anh T vào quán tẩm quất massage ôm người phụ nữ

khác Nên tình cảm vợ chồng hay cãi nhau, có lần còn xô xát. Mâu thuẫn căng thăng từ tháng 8/2024 có người nhắn tin tôi đòi nợ, nên tôi không thể tiếp tục chung sống được với anh T, tôi sống ly thân, nhưng vẫn ăn chung, ở chung nhà từ đó đến nay, nay tôi xác định tình cảm không còn, tôi yêu cầu xin ly hôn với anh T. Về kinh tế tôi đi làm lương tháng và thu nhập tăng ca được khoảng 20 triệu đồng, tôi chi tiêu sinh hoạt gia đình và trả nợ tiền làm nhà hết, còn anh T lương tháng khoảng 8 triệu, anh phải lo tiền học và tiền điện trong nhà hết khoảng 4-5 triệu đồng, còn lại anh chi tiêu cho cá nhân. Anh T không đưa lương cho tôi, cuối năm nếu có thưởng, anh đưa tôi khoảng 20-30 triệu đồng. Tiền xây nhà hết khoảng 500 triệu đồng, bố mẹ chồng tôi có đưa cho tôi 300 triệu đồng nhưng tôi không cho anh T biết, còn lại tôi có khoảng 300 triệu đồng tiết kiệm được để xây nhà, còn anh T không góp với tôi đồng nào, khi xây nhà anh T có mua sắm lặt vặt thiết bị trong nhà.

Về con chung: Tôi và anh T có 02 con chung là Khúc T A, sinh ngày 01/10/2013 và Khúc An B, sinh ngày 31/10/2016. Nguyện vọng của tôi là được trực tiếp nuôi dưỡng cả 2 cháu An và B. Về điều kiện kinh tế tôi đi làm công ty lương tháng gần 20 triệu, tôi có nhà đất ổn định tại thôn G, xã P, huyện G, thành phố Hà Nội. Bố mẹ đẻ tôi ở liền sát nhà tôi, ông bà vẫn còn khỏe nên có thể giúp đỡ tôi trong việc chăm sóc các cháu. Tôi yêu cầu Tòa giao hai con cho tôi nuôi để đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho các cháu. Tôi không yêu cầu Tòa giải quyết về cấp dưỡng nuôi con. Anh T không có nhà cửa ổn định tại đây. Nợ nần nhiều, các con thì muốn ở với tôi. Tôi đi làm có phải tăng ca đêm từ 10 giờ đêm đến 6 giờ sáng, nhưng bên cạnh nhà tôi có bố mẹ đẻ tôi hỗ trợ tôi, hơn nữa các cháu cũng đã lớn có thể bảo ban nhau, chăm sóc nhau những lúc tôi vắng nhà. Tôi mong muốn các cháu có chị có em để bao ban chăm sóc nhau.

Về tài sản chung, nợ chung: Tôi không yêu cầu tòa giải quyết.

Bị đơn anh Khúc Phạm T trình bày như sau: Về việc kết hôn như chị T trình bày là đúng. Sau khi kết hôn hai vợ chồng tôi sinh sống tại nhà bố mẹ đẻ của chị T tại thôn Thôn G, xã P, huyện G, thành phố Hà Nội. Trong thời gian chung sống cùng nhau từ năm 2013 đến nay, vợ chồng tôi không có mâu thuẫn gì lớn. Đến khoảng tháng 6/2024 đến nay thì vợ chồng tôi có xích mích nhỏ do bất đồng quan điểm sống. Khoảng tháng 5/2024 tôi đi làm đường dây 500KV về sau đó lại đi Nam Định làm khoảng 1 tháng về thì thấy vợ có biểu hiện không B thường về tình cảm. Việc tôi nợ nần là có do tôi làm ăn, lúc cần thì phải vay, chưa trả được thì người ta đòi, nhưng nợ toàn bộ do gia đình tôi lo, không ảnh hưởng đến vợ tôi. Mỗi tháng tôi thu nhập khoảng 8 triệu là lương, ngoài ra tôi làm những việc khác, thưởng cuối năm, trung B một năm tôi thu nhập khoảng 300 triệu đồng, hàng tháng chi tiêu cho gia đình gồm tiền học của 2 con, tiền điện, tiền đi chợ mua thức ăn khi vợ vắng nhà cũng khoảng 5-6 triệu, số tiền còn lại tôi tiết kiệm, hiện nay tôi tiết kiệm được khoảng 130 triệu đồng nhưng tôi giữ, không đưa vợ. Vợ chồng đôi khi có cãi nhau, nhưng không lớn. Tôi xác định vợ chồng sống ly thân nhau từ tháng 6/2024 đến nay, vẫn ăn chung, sống chung nhà, từ ngày ly thân đến nay, tôi không có tác động gì đến vợ để hàn gắn tình cảm gia đình, trong những tháng tới tôi không biết làm gì để hàn gắn với vợ, chỉ biết sẽ cố gắng sống tốt hơn thôi.

Nay chị T có đơn xin ly hôn, tôi không đồng ý ly hôn, vì muốn con cái có đủ bố đủ mẹ.

Về con chung: Tôi và chị T có 02 con chung là Khúc T A, sinh ngày 01/10/2013 và Khúc An B, sinh ngày 31/10/2016. Trong trường hợp ly hôn, nguyện vọng của tôi là được trực tiếp nuôi dưỡng 2 cháu, tôi không cần chị T cấp dưỡng nuôi con. Về điều kiện nuôi con, tôi đang tại Công ty điện lực G, lương được khoảng 22 triệu/tháng. Trong trường hợp phải ly hôn, tôi sẽ thuê nhà giá khoảng 5 triệu tại xã P, huyện G để ở và đảm bảo cho các con có nơi ăn, chốn ở ổn định. Công việc của tôi chỉ đi làm giờ hành chính nên có thể đảm bảo về thời gian để chăm sóc các con.

Về tài sản chung: Tôi không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Nếu phải ly hôn tôi cũng sẽ không sống tại ngôi nhà vợ chồng tôi xây mà tôi ra ngoài thuê nhà ở. Về nợ chung: Tôi không có yêu cầu gì. Ngoài ra tôi không có yêu cầu gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G kiểm sát việc T theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phát biểu ý kiến: Tòa án huyện G thụ lý vụ án đúng thẩm quyền; Thẩm phán tiến hành tố tụng, xác định quan hệ pháp luật đúng; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án tại phiên tòa đúng quy định của pháp luật, đảm bảo đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của các đương sự khi tham gia tố tụng; Nguyên đơn, bị đơn chấp hành pháp luật,

Căn cứ các Điều 19, 51, 56, 81, 82, 83 Luật HNGĐ năm 2014:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Lưu Phương T. Chị T được ly hôn với anh T

+ Về con chung: Chị T và anh T có 02 con chung là Khúc T A, sinh ngày 01/10/2013 và Khúc An B, sinh ngày 31/10/2016. Giao cả hai cháu Khúc T A và cháu Khúc An B cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

+ Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu, không xem xét giải quyết.

+ Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Chị T không yêu cầu, anh T yêu cầu HĐXX xem xét về tài sản chung nhưng không nộp đơn yêu cầu độc lập, Tại tòa anh T không yêu cầu, đề nghị HĐXX không xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Vụ án thụ lý từ ngày 01/10/2024, nên áp dụng Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội để giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Nhận định về tố tụng: Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án do chị Thúy có đơn yêu cầu ly hôn, căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án. Về thẩm quyền loại việc, Tòa án cấp huyện có thẩm quyền giải quyết các tranh chấp về hôn nhân gia đình quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của BLTTDS. Anh T là bị đơn có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Xóm C, thôn G, xã K (nay là xã P), huyện G, thành phố Hà Nội; căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố

tụng dân sự, TAND huyện G thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo lãnh thổ và cấp Tòa án.

[2]. Nhận định về tình cảm, mâu thuẫn vợ chồng: Chị Lưu Phương T và anh Khúc Phạm T đăng ký kết hôn ngày 06/3/2013 tại UBND thị trấn Thanh Ba, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ, có xuất trình giấy đăng ký kết hôn, đủ cơ sở kết luận đây là cuộc hôn nhân hợp pháp.

- Về mâu thuẫn vợ chồng: Chị T và anh T cùng thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn và đã sống ly thân nhau từ tháng 9/2024 đến nay, nhưng vẫn sống chung nhà, là tình tiết không phải chứng minh theo Điều 92 BLTTDS, nên ghi nhận chị T và anh T mâu thuẫn nhau và sống ly thân từ tháng 9/2024 đến nay, mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng, mặc dù anh T không đồng ý ly hôn, xét thấy nguyên nhân mâu thuẫn chính là do anh T nợ nần, nên không tập trung kinh tế với chị T được, dẫn đến tình cảm vợ chồng của chị T không còn, không còn thương yêu, chăm sóc nhau….. là anh chị đều vi phạm nghĩa vụ vợ chồng theo Điều 19, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình là "*vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng chia sẻ, cùng thực hiện công việc chung trong gia đình*" dẫn đến hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được theo Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên cho chị T được ly hôn với anh T là có căn cứ.

[4]. Nhận định về con chung vợ chồng: Chị Lưu Phương T và anh Khúc Phạm T có 02 con chung là Khúc T A, sinh ngày 01/10/2013 và Khúc An B, sinh ngày 31/10/2016 thể hiện bằng bản sao giấy khai sinh. Hiện cả hai cháu đều đang sống với chị T và anh T thể hiện bằng lời khai của chị T, anh T. Chị T có nguyện vọng nuôi cả hai con. Cháu T A và cháu An B đều có nguyện vọng được sống với chị T. Anh T có nguyện vọng nuôi cả hai con. Xét thấy cháu T A và cháu An B đều đã trên 07 tuổi có nguyện vọng ở được sống với chị T khi bố mẹ ly hôn, chị T có nghề nghiệp ổn định, có nơi cư trú rõ ràng; anh T không xuất trình các tài liệu chứng cứ chứng minh được anh có nghề nghiệp ổn định và điều kiện tạo lập nơi ăn ở ổn định sau ly hôn, nên khi ly hôn xét giao cả hai cháu T A và cháu An B cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc để đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho cháu T A và cháu An B theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Chị T không yêu cầu cấp dưỡng, HĐXX không xem xét giải quyết.

[5]. Nhận định về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Chị T không yêu cầu, anh T có yêu cầu xem xét về tài sản chung của vợ chồng trong quá trình chuẩn bị xét xử nhưng không nộp đơn yêu cầu, tại phiên tòa anh không yêu cầu chia tài sản chung, nên HĐXX không xem xét giải quyết tài sản chung và nợ chung của chị T Ah T.

[6]. Nhận định về án phí ly hôn sơ thẩm: Yêu cầu xin ly hôn của chị T được chấp nhận, chị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016

của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

+ Các Điều 28, 35, 39, 227, 271, 273, 277, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

+ Các Điều 19, 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

+ Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lưu Phương T đối với anh Khúc Phạm T. Xử cho chị Lưu Phương T được ly hôn với anh Khúc Phạm T.

2. Về con chung: Chị Lưu Phương T và anh Khúc Phạm T có 02 con chung là Khúc T A, sinh ngày 01/10/2013 và Khúc An B, sinh ngày 31/10/2016. Khi ly hôn, giao hai cháu Khúc T A và cháu Khúc An B cho chị Lưu Phương T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có yêu cầu mới. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con của anh T cho chị T cho đến khi các cháu thành đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có yêu cầu mới.

Anh Khúc Phạm T không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Chị Lưu Phương T, anh Khúc Phạm T không yêu cầu, Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lưu Phương T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chị T đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0004425 ngày 27/9/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, nay chuyển thành án phí ly hôn.

Theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Báo cho chị Lưu Phương T và anh Khúc Phạm T có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
-Các đương sự;
-VKSND h. G;
-Chi cục THADS h. G;
-TANDTP. Hà Nội;
-VKSNDTP Hà Nội;
- Lưu hồ sơ;
-Lưu văn phòng;
-UBND thị trấn Thanh Ba, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ (ĐKKH số 07 ngày 06/3/2013).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Vũ Thiên Hương